

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày 09 - 04 - 2024
“V/việc tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phi Hùng

Bà Lê Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp góp hui. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị T (Á), sinh năm 1979; (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau;

- Bị đơn: 1/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

2/ Bà Trần Thị C, sinh năm 1985; (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Bà T (M) là nguyên đơn trình bày: Bà T với bà C, ông Đ có quan hệ quen biết, tin tưởng nên giữa bà T và bà C, ông Đ có thỏa thuận góp hui. Bà T làm chủ hui, còn bà C, ông Đ là hui viên có tham gia góp nhiều dây hui do bà T làm chủ. Khi ghi tên danh sách hui viên thì ghi tên Đ, nhưng khi đóng tiền hui hay nhận tiền hót hui thì vợ chồng đã có tham gia. Cụ thể:

Dây thứ 1: Mở ngày 19/10/2021 (AL), loại hui 1.000.000đ/tháng, dây này có 30 chung, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị C có tham gia 02 chung. Ngày 19/11/2021, bỏ thăm 330.000đ hót 01 chung được số tiền là 19.260.000đ. Đến ngày 19/03/2022, bỏ thăm 350.000đ hót 01 chung còn lại, với số tiền là 20.100.000đ. Đã đóng hui chết đến ngày 29/5/2023 al thì ngưng, tính đến mãn hui là ngày 29/02/2024 al, còn nợ lại 10 kỳ x 1.000.000đ = 20.000.000đ.

Dây thứ 2: Mở ngày 29/10/2021 (AL), loại hụi 1.000.000đ/tháng, dây này 34 chung, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị C tham gia 02 chung. Ngày 29/02/2022, bỏ thăm 350.000đ hốt 01 chung, được số tiền là 22.350.000đ. Đến ngày 29/04/2022, bỏ thăm 270.000đ hốt 01 chung còn lại, được số tiền là 25.210.000đ. Đã đóng hụi chết đến ngày 29/5/2023 al thì ngưng, tính đến 29/02/2024 al còn nợ lại 09 kỳ x 1.000.000đ/chung x 2 chung = 18.000.000đ. Dây hụi này đến ngày 29/7/2024 al mới mãn hụi.

Dây thứ 3: Mở ngày 19/2/2022 (AL), loại hụi 2.000.000đ/tháng, dây này 26 chung, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị C tham gia 01 chung. Ngày 19/6/2022, bỏ thăm 700.000đ hốt 01 chung được số tiền là 34.300.000đ. Đã đóng hụi chết đến ngày 29/5/2023 al, tính đến ngày 29/02/2024 al hụi mãn, còn nợ lại 10 kỳ x 2.000.000đ = 20.000.000đ.

Dây thứ 4: Mở ngày 15/8/2022 (AL), loại hụi 1.000.000đ/tháng, dây này 33 chung, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị C có tham gia 02 chung. Ngày 15/9/2022, bỏ thăm 350.000đ hốt 01 chung được số tiền là 20.650.000đ. Đến ngày 15/11/2022, bỏ thăm 350.000đ hốt 01 chung còn lại được số tiền là 21.350.000đ. Đã đóng hụi chết đến ngày 29/5/2023 al thì ngưng, còn nợ lại đến ngày 29/02/2024 al còn nợ 09 kỳ x 1.000.000đ x 02 chung = 18.000.000đ. Đến ngày 15/5/2025 al hụi mới mãn.

Dây thứ 5: Mở ngày 15/8/2022 (AL), loại hụi 2.000.000đ/tháng, dây này 26 chung, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị C có tham gia 02 chung. Ngày 15/9/2022, bỏ thăm 700.000đ hốt 01 chung được số tiền là 32.200.000đ. Đến ngày 15/11/2022, bỏ thăm 750.000đ hốt 01 chung còn lại được số tiền là 32.500.000đ. Đã đóng hụi chết đến ngày 29/5/2023 al thì ngưng, còn nợ lại đến ngày 29/02/2024 al còn nợ 09 kỳ x 2.000.000đ x 02 chung = 36.000.000đ. Đến ngày 15/9/2024 al, hụi mới mãn.

Dây thứ 6: Mở ngày 29/11/2022 (AL), loại hụi 1.000.000đ/tháng, dây này 31 chung, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị C có tham gia 02 chung. Ngày 29/02/2023, bỏ thăm 350.000đ hốt 01 chung được số tiền là 20.050.000đ. Đến ngày 29/6/2023, bỏ thăm 320.000đ hốt 01 chung còn lại được số tiền là 22.780.000đ. Đã đóng hụi chết đến ngày 29/5/2023 al thì ngưng, tính đến ngày 29/02/2024 al còn nợ 09 kỳ x 1.000.000đ x 02 chung = 18.000.000đ. Đến ngày 29/5/2025 al, hụi mới mãn.

Dây thứ 7: Mở ngày 29/11/2022 (AL), loại hụi 1.000.000đ/tháng, dây này 26 chung, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị C có tham gia 01 chung. Ngày 29/11/2022, bỏ thăm 360.000đ hốt 01 chung được số tiền là 15.500.000đ. Đã đóng hụi chết đến ngày 29/5/2023 al thì ngưng, còn nợ lại đến ngày 29/02/2024 al còn nợ 09 kỳ x 1.000.000đ = 9.000.000đ. Hụi đến ngày 29/12/2024 al hụi mới mãn.

Tổng số tiền vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị C hót các dây hụi nêu trên được số tiền là 268.250.000đ (hai trăm sáu tám triệu hai trăm năm chục ngàn đồng).

Sau khi hót các dây hụi nêu trên thì vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị C đóng hụi chết rất đầy đủ cho đến ngày 29/5/2023 (al) thì ngưng, nhiều lần liên hệ thì vợ chồng ông Đ, bà C hứa và cố tình trì hoãn, không đóng chết. Vậy tổng số tiền hụi còn lại được tính từ ngày 29/5/2023 (al) đến nay là ngày 29/02/2024 (al) theo ngày khai và đóng hụi thì vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị C nợ tổng số tiền của 07 dây hụi là 139.000.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu đồng). Đã mãn 02 dây hụi khai ngày 19/10/2021 al và ngày 19/02/2022 al.

Do đó, bà T yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị C có trách nhiệm thanh toán tiền nợ hụi (của 07 dây) đến ngày 29/02/2024 al với số tiền 139.000.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu đồng). Và yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị C tiếp tục đóng hụi chết của 05 dây hụi còn lại cho đến khi mãn.

Bà C, ông Đ là bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà C, ông Đ từ khi thụ lý cho đến ngày mở phiên tòa xét xử, nhưng bà C, ông Đ vắng mặt không rõ lý do và không có gửi ý kiến bằng văn bản hay gửi tài liệu cho Tòa án để phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cho đến khi mở phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của nguyên đơn là bà Hồ Thị T và bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị C thuộc lĩnh vực dân sự, tranh chấp góp hụi; Bà C, ông Đ là bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nhưng bà C, ông Đ vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà T và văn bản nhận của những người tham gia góp hụi chung với ông Đ, bà C đã thể hiện bà C, ông Đ có tham gia các dây hụi do bà T làm chủ từ năm 2021 đến nay. Theo các danh sách góp hụi và sổ sách theo dõi hụi do bà Thủy cung c có tên của ông Đ. Khi bà C, ông Đ hót hụi mà chưa thanh toán hụi chết thì bà T khởi kiện yêu cầu có nghĩa vụ thanh toán là phù hợp.

Theo các tài liệu, chứng cứ của bà Thủy cung c có ghi chép hui và ghi trực tiếp vào danh sách theo dõi hui, thể hiện bà C, ông Đ hót hết các chung hui của 07 dây tổng số tiền 268.250.000đ, đóng hui chết đến ngày 29/5/2023 (al) thì ngưng, tính đến ngày xét xử là 09/4/2024 al nhằm ngày 01/3/2024 al nhưng tính theo ngày đóng hui chết và hui mẫn nhằm ngày 29/02/2024 (al) thì bà C, ông Đ còn nợ của 07 dây hui tổng số tiền là 139.000.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu đồng).

Đối với bà C, ông Đ: Do bà T có yêu cầu đến chính quyền địa phương can thiệp và mời nhiều lần để hòa giải, nhưng ông Đ, bà C không đến tham dự. Khi bà T khởi kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà C, ông Đ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, khi đó bà C, ông Đ biết được việc khởi kiện của bà T, nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án để phản ánh yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đó, căn cứ vào giấy viết tay chốt nợ theo danh sách hui của bà T để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo giấy ghi nợ của bà T thể hiện bà C, ông Đ còn nợ hui tính đến ngày xét xử là 09/4/2024 al (tính tròn ngày mẫn hui là ngày 29/02/2024 al) bà C, ông Đ còn nợ hui chết của 07 dây hui tổng số là 139.000.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu đồng) nên bà C, ông Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T là phù hợp.

[5] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Áp dụng Điều 274, 275, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự;
Áp dụng nghị quyết số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biên, phường.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T (Á) đối với ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị C.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị C có nghĩa vụ thanh toán nợ hui cho bà Hồ Thị T (Á) số tiền là 139.000.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, bà C, ông Đ phải thi hành xong nghĩa vụ trả nợ tiền, nếu không thi hành xong thì còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà C, ông Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.950.000đ (chưa nộp).

Bà T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Vào ngày 08/11/2023 bà T đã dự nộp số tiền 1.600.000đ tại lai số 0015766 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

NƠI NHẬN:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- THA dân sự huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Diệp Chí Nguyễn